TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **43**/2019/HNGĐ-PT Ngày 17-4-2019 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thăng
Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương
Bà Phạm Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai,

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",

Do bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963.
Địa chỉ: Phố A, ấp B, xã V, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch N, sinh năm 1972.
Địa chỉ thường trú: Khu dân cư C, khu phố Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ cư trú: Khu D, ấp Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà N: Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1978. Địa chỉ: Đường M, phường S, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Sư L, sinh năm 1964.
Địa chỉ thường trú: Khu dân cư C, khu phố Đ, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ cư trú: Khu D, ấp Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Đồng Nai.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Bạch N – bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị C, trình bày:

Ngày 14/6/2016, vợ chồng bà N, ông L vay của Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q số tiền 350.000.000đ để sản xuất chăn nuôi ong mật. Bà N, ông L đã ký hợp đồng thế chấp tài sản với ngân hàng để đảm bảo nợ vay.

Ngày 13/9/2017, đến hạn phải thanh toán khoản nợ gốc 100.000.000đ cho ngân hàng. Do không có tiền nên bà N nhờ bà C bỏ tiền ra trả cho ngân hàng số tiền trên. Trong ngày 13/9/2017, bà C đã trả giúp cho bà N số tiền 99.958.000đ bằng hình thức chuyển tiền từ tài khoản số 5907207000158 của bà C sang thanh toán cho khoản vay đến hạn của bà N (có chứng từ giao dịch phiếu thu kèm theo).

Khi bà C trả tiền ngân hàng cho bà N, giữa hai bên không lập giấy tờ gì. Hai bên thỏa thuận miệng khoảng hai tháng sau bà N sẽ trả số tiền 99.958.000đ cho bà C, bà N phải trả tiền lãi theo lãi suất vay Ngân hàng tính từ ngày 13/9/2017. Việc bà N vay bà C để thanh toán cho Ngân hàng thì ông L có biết.

Do bà N, ông L không trả nợ như cam kết, bà C khởi kiện, yêu cầu bà N, ông L liên đới trả số tiền nợ gốc là 99.958.000đ và tiền lãi tính từ ngày 13/9/2017 đến ngày 25/9/2018 với lãi suất 1,6%/tháng là: (99.958.000đ x 1,6%/tháng x 12 tháng) = 19.192.000đ. Tổng cộng hai khoản 119.150.000đ.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Bạch N, trình bày:

Bà N và chồng là ông L có vay Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q số tiền 350.000.000đ để chăn nuôi ong mật. Ngày 13/9/2017, đến hạn phải thanh toán 100.000.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, bà N mang 100.000.000đ tiền gốc và 2.583.334đ tiền lãi đến Ngân hàng gặp bà C, nhờ bà C trả cho Ngân hàng (vì bà C là người trước đây làm hồ sơ vay vốn cho vợ chồng bà N). Khi đưa số tiền trên cho bà C thì hai bên không lập giấy tờ gì và không có ai chứng kiến.

Bà N không thừa nhận lời khai của bà C về việc chuyển tiền từ tài khoản của bà C để thanh toán số tiền 99.958.000đ vợ chồng bà nợ Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q. Bà N cho rằng, những lần trước vợ chồng bà vay của bà C để trả nợ Ngân hàng thì hai bên đều viết giấy vay mượn và thỏa thuận lãi suất. Nếu lần này vợ chồng bà có vay tiền của bà C để thanh toán cho Ngân hàng thì bà C đã yêu cầu viết giấy nhận nợ như những lần trước.

Bà N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông L, trình bày:

Vợ chồng ông L, bà N có vay Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Q số tiền 350.000.000đ để chăn nuôi ong mật. Ngày 13/9/2017, đến hạn thanh toán số tiền

gốc 100.000.000đ nhưng do ngày đó ông L đi làm ở Bình Thuận nên không biết được việc trả nợ ngân hàng của vợ ông như thế nào.

Trước khi vay số tiền trên, vợ chồng ông L cũng đã vay ngân hàng mấy lần và những lần đến hạn thì vợ chồng ông đều vay tiền bà C để trả. Mỗi lần vay tiền bà C để đáo hạn ngân hàng, bà C đều yêu cầu ông L, bà N ký giấy vay mượn. Việc bà C trình bày lần này cho vợ chồng ông vay 100.000.000đ để đáo hạn ngân hàng là hoàn toàn không có vì không có giấy tờ gì.

Ông L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C.

Tại Bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 26/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Q quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C. Buộc ông L và bà N có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà C số tiền 119.150.000đ.

Ngoài ra, án còn tuyên về trách nhiệm do việc chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/11/2018, bà Nguyễn Thị Bạch N có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu câu khởi kiện của bà N.

Ngày 09/11/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q có Quyết định số 277/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm, nội dung như sau:

Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N, ông L trả cho bà C số tiền 99.958.000đ là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tính số tiền lãi mà bà N, ông L phải trả chưa chính xác, đề nghị cấp phúc thẩm tính toán lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Có đủ cơ sở xác định bà C đã chuyển số tiền 99.958.000đ từ tài khoản của bà C để trả nợ thay cho bà N, ông L. Việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà N, ông L trả cho bà C số tiền trên là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C đã tự nguyện không yêu cầu bà N, ông L phải trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc này. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng nai rút kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng:

Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông L.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà N, ông L trả số tiền 99.958.000đ mà bà N đã nhờ bà cho vay và trả Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Q vào ngày 13/9/2017.

Bà C xuất trình được chứng cứ chứng minh là chứng từ chuyển khoản số tiền trên từ tài khoản của chính bà C cho Ngân hàng để thanh toán nợ đến hạn của bà N. Nội dung này được Ngân hàng Agribank – Chi nhánh Q xác nhận.

Phía bà N, ông L phản bác yêu cầu khởi kiện của bà C. Bà N khẳng định số tiền 99.958.000đ này do bà trực tiếp đưa cho bà C nhờ trả giùm nhưng không có chứng cứ chứng minh, bà C không thừa nhận.

Bà N, ông L lập luận, trước đây đã nhiều lần vay tiền bà C để trả nợ Ngân hàng nhưng mỗi lần vay tiền thì bà C đều yêu cầu viết giấy nhận nợ. Lần này bà C không xuất trình được giấy nhận nợ, chứng tỏ ông bà không vay.

Tranh luận vấn đề này, bà C giải thích, trước đây khi cho bà N vay tiền, bà C đều đưa tiền mặt, vì vậy, bà yêu cầu viết giấy biên nhận đề phòng có tranh chấp. Riêng lần cho vay 99.958.000đ vào ngày 13/9/2017, bà C không đưa tiền mặt cho bà N mà chuyển khoản từ tài khoản của mình nên sẽ có chứng từ, có sự xác nhận của Ngân hàng. Vì vậy, bà C thấy không cần thiết nên không yêu cầu bà N viết giấy nhận nợ như những lần trước.

Xét thấy, lời trình bày của bà C có tính logic và phù hợp với những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà C có thiện chí rút, không yêu cầu bà N, ông L phải trả lãi trên số tiền vay. Ý chí của bà C là tự nguyện và có lợi cho bà N, ông L. Vì vậy, cần sửa án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của bà C.

Sau khi bà C tự nguyện rút, không yêu cầu bà N, ông L trả tiền lãi trên số tiền vay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa đã rút kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q. Căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật, án phí sơ thẩm bà N và ông L phải chịu là: (99.958.000đ x 5%) = 4.997.900đ. Bà N, ông L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ các điều 308, 309 và 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Q.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch N. Sửa bản án sơ thẩm số 14/2018/DS-ST ngày 26/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C.

Áp dụng các điều 149, 463, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch N và ông Nguyễn Sư L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 99.958.000đ (chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi tám ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi người phải thi hành án thanh toán xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch N và ông Nguyễn Sư L trả tiền lãi trên số nợ gốc.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Bạch N và ông Nguyễn Sư L phải chịu 4.997.900đ (bốn triệu, chín trăm chín mươi bảy ngàn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị C số tiền 3.145.000đ (ba triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005683 ngày 31/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND H. Q;
- VKSND H. Q;
- Chi cục THADS H. Q;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thăng